

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HC-PT

Ngày: 16/6/2023

*V/v khởi kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Quy.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Quang.

Bà Lê Thị Thái Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2022/TLPT-HC ngày 16 tháng 8 năm 2022 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa; Quyết định tạm ngừng phiên tòa, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 09/2023/QĐPT-HC ngày 06/6/2023 của TAND tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 Trần Hưng Đ, Phường 1, thành phố Tuy H, Phú Yên. Có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) Phường 1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Công chức Địa chính - Xây dựng đô thị - Tài nguyên và Môi trường UBND Phường 1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên: Ông Trần Quốc N, Có mặt.

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S trình bày:

Năm 2014, bà Hồ Thị Thanh S làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt GCNQSDĐ*) đối với 02 lô đất tại phía Đông 27 Trần Hưng Đ và 04A Lê L nhưng UBND Phường 1 không tiến hành các thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ngày 06/9/2016, bà S tiếp tục nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận căn nhà đúc 04A Lê L và căn nhà đúc 23m² ở phía Đông 27 Trần Hưng Đ, Phường 1. Hai hồ sơ này bà S đã nộp tại UBND Phường 1.

Ngày 10/10/2016, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố Tuy H tiếp nhận hồ sơ của bà Hồ Thị Thanh S đối với 02 lô đất nói trên do UBND Phường 1 chuyển đến.

Ngày 09/11/2016, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND thành phố Tuy H chuyển trả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Lý do chuyển trả: Đất đang tranh chấp và đất lấn chiếm nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S chuyển lại UBND Phường 1 để UBND Phường 1 trả lại cho bà S.

Sau khi nhận lại hồ sơ ngày 19/11/2016, bà Hồ Thị Thanh S khiếu nại UBND Phường 1, thành phố Tuy H. Ngày 20/12/2016, Chủ tịch UBND Phường 1 ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-UBND.

Ngày 03/01/2017, bà S khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 (*viết tắt là Quyết định 241*). Vì Chủ tịch UBND Phường 1 giải quyết không đúng trọng tâm đơn khiếu nại ngày 19/11/2016 của bà S; Tuyên bố hành vi làm trái các quy định pháp luật trong việc xử lý hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hành vi chậm chuyển hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền và yêu cầu UBND Phường 1 phải bồi thường thiệt hại theo quy định.

Người bị kiện đồng trình bày:

UBND Phường 1 thừa nhận đã chậm chuyển hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thành phố Tuy H, tại thời điểm này cán bộ địa chính, Lãnh đạo UBND Phường 1 tham gia dự họp từ ngày 03/10 đến ngày 10/10/2016 và chỉ có 01 cán bộ Địa chính - Xây dựng phải giải quyết các vấn đề xây dựng, trật tự đô thị theo kế hoạch chung của thành phố nên dẫn đến việc chậm chuyển hồ sơ của bà S (*chậm 34 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ là ngày 06/9/2016 đến ngày 10/10/2016 chuyển hồ sơ lên cấp trên*). UBND Phường 1 đã tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với cán bộ tham mưu. Về nội dung bà S cho rằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-

UBND ngày 20/12/2016 không giải quyết đúng trọng tâm yêu cầu của bà thì tại thời điểm đối thoại trực tiếp bà S trình bày nội dung khiếu nại được thể hiện tại Biên bản đối thoại là: UBND Phường 1 chậm chuyển hồ sơ của bà S lên UBND thành phố Tuy H; yêu cầu UBND Phường 1 đền bù thiệt hại tính theo lãi suất ngân hàng, nhưng bà S không có bằng chứng chứng minh đối với phần thiệt hại. Do đó việc bà S yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND Phường 1, thành phố Tuy H là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy H đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; Điều 31; khoản 1 Điều 158; Điều 143; Điều 173; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Áp dụng Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND Phường 1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên và hành vi hành chính của UBND Phường 1 về hành vi làm trái trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND Phường 1, hành vi chậm chuyển hồ sơ lên cấp trên có thẩm quyền, yêu cầu bồi thường thiệt hại về hành vi chậm chuyển hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở vì không có căn cứ.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu định giá nhà đất tại phía Đông 27 Trần Hưng Đ và 04A Lê L, Phường 1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên. Vì người khởi kiện không nộp tạm ứng chi phí tố tụng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/7/2022, người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo, đề nghị hủy Bản án sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy H, với lý do bản án sơ thẩm không đánh giá đầy đủ chứng cứ bà S đã cung cấp.

Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa trình bày quan điểm và đề xuất giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Luật tổ tụng hành chính. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành

chính bác kháng cáo của bà Hồ Thị Thanh S, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hồ Thị Thanh S có đơn kháng cáo hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm; người bị kiện có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngày 03/01/2017, bà Hồ Thị Thanh S có đơn khởi kiện Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND Phường 1, thành phố Tuy H; hành vi làm trái, hành vi chậm chuyển hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời hiệu khởi kiện và yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra. Tòa án nhân dân thành phố Tuy H thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND Phường 1, thành phố Tuy H:

Xét thấy, UBND Phường 1 đã xác minh, tổ chức đối thoại để giải quyết đơn khiếu nại của bà Hồ Thị Thanh S. Tại Biên bản đối thoại ngày 16/12/2016, ý kiến của bà S: “UBND Phường 1 đã chậm chuyển hồ sơ của tôi lên UBND thành phố Tuy H và không thông báo cho tôi biết về các thủ tục về việc kiểm tra xác minh và niêm yết công khai các hồ sơ của tôi. Tôi yêu cầu UBND Phường 1 đền bù thiệt hại nhà của tôi là trên 3 tỷ tính theo lãi ngân hàng...yêu cầu UBND Phường 1 kỷ luật Đ/c Xuân và sau khi kỷ luật xong thông báo cho tôi biết, kiểm điểm cả lãnh đạo có liên quan”.

Theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND Phường 1, thành phố Tuy H “...công nhận nội dung đơn khiếu nại đề ngày 19/11/2016 của bà Hồ Thị Thanh S về hành vi hành chính của UBND Phường 1 đã chậm chuyển hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc văn phòng HĐND và UBND thành phố Tuy H; UBND Phường 1 sẽ tổ chức kiểm điểm tập thể và cá nhân có liên quan đến việc giải quyết hồ sơ của bà S...”. Như vậy, việc UBND Phường 1 chậm chuyển hồ sơ lên bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng HĐND và UBND thành phố Tuy H đã được Chủ tịch UBND Phường 1 công nhận tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016.

Xét, Chủ tịch UBND Phường 1 giải quyết khiếu nại đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 17, 27, 29, 30 và Điều 31 Luật khiếu nại.

Vì vậy, bà Hồ Thị Thanh S yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 241/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của Chủ tịch UBND Phường 1, thành phố Tuy H là không có cơ sở.

[3.2] Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính về việc xác nhận nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất khi xử lý hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật và hành vi chậm chuyển hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất đến cơ quan có thẩm quyền:

[3.2.1] Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất 208,98 m² tại phía Đông nhà 04A Lê L, Phường 1, thành phố Tuy H:

Theo Giấy cam kết ngày 23/5/2001 của bà Hồ Thị Thanh S gửi UBND Phường 1, thị xã (nay là thành phố) Tuy H có nội dung “*Tôi có làm lán trại mái tôn, sườn sắt, rào lưới B40 chung quanh để làm xây dựng nhà bên số 04 Lê L. Tôi cam kết sau khi xây xong hoàn tất nhà của tôi, tôi sẽ trả lại đoạn đường mà vi phạm của đường sắt, mà không phải bồi hoàn gì của đường sắt, nếu tôi không tháo dỡ thì đường sắt tháo dỡ...*”

Theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện diện tích đất tại 04A Lê L đã được UBND thị xã (nay là thành phố) Tuy H cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3901010501 cho bà Hồ Thị Thanh S vào ngày 24/4/2002, diện tích 207,7m².

Quá trình sử dụng bà S đã chuyển nhượng cho bà Hồ Thị Thanh Ng thừa đất số 02, tờ bản đồ D4-III-C-d, diện tích 105,80m², được UBND thành phố Tuy H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 545552201500909 ngày 21/5/2008 đứng tên bà Hồ Thị Thanh Ng. Đến ngày 16/5/2010 bà S tiếp tục lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số D4-III-C-d, diện tích 101,9m² (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số 545552201500908 do UBND thành phố Tuy H cấp ngày 07/5/2008, đứng tên Hồ Thị Thanh S) cho bà Hồ Thị Thanh Ng và ông Lê Thành P được Văn phòng công chứng Phú Yên chứng thực ngày 16/5/2010, sau đó được UBND thành phố Tuy H công nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BA 916903 ngày 15/7/2010). Như vậy, tổng diện tích 207,7m², loại đất ở đô thị thuộc thửa đất số 01 và thửa đất số 02, tờ bản đồ D4-III-C-d tại địa chỉ 04A Lê L, Phường 1, thành phố Tuy H bà Hồ Thị Thanh S đã chuyển nhượng cho bà Hồ Thị Thanh Ng.

Năm 2016, bà S nộp đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 208,98m², tại phía Đông nhà 04A Lê L, Phường 1 (bà S xác định có khi bà ghi 04A Lê L là có sự nhầm lẫn) nên UBND Phường 1 đã kiểm tra hồ sơ, bà S không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp nên UBND Phường 1 đã xác nhận về hiện trạng, nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh

chấp sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị Thanh S đối với diện tích đất 208,98 m² tại phía Đông 04A Lê L, Phường 1, phản ánh đúng thực trạng, thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy định thời gian và trình tự phối hợp thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Bà S cho rằng UBND Phường 1 có hành vi phê vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung nguồn gốc đất lấn chiếm, đất công là trái quy định pháp luật và bà S đề nghị Tòa án xem xét xác định về nguồn gốc đất. Xét thấy, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì việc xác định nguồn gốc đất thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, không phải là đối tượng khởi kiện và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng quy định.

[3.2.2] Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất diện tích đất 23m², tại phía Đông (bên hông) nhà 27 Trần Hưng Đ, Phường 1:

Ngày 15/9/2016, UBND Phường 1 tiến hành họp xét, niêm yết công khai hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của bà Hồ Thị Thanh S tại UBND Phường 1. Sau đó tiến hành xác nhận hồ sơ và lập tờ trình chuyển đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND thành phố Tuy H. Do hồ sơ chưa đầy đủ nên bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND thành phố Tuy H chuyển trả lại hồ sơ cho UBND Phường 1. Ngày 30/11/2016, UBND Phường 1 tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất (bà S có mặt), Biên bản kiểm tra thể hiện: *“Hiện trạng sử dụng diện tích đất 22,779m², nguồn gốc đất mua lại của ông Ngô Thanh Nghĩa nhưng không có giấy tờ mua bán. Hiện nay vị trí đất phía Đông nhà 27 Trần Hưng Đ nằm trong quy hoạch đường nội bộ rộng 06m (nằm trong quy hoạch đường cứu hỏa), không phù hợp quy hoạch”*.

Xét thấy, theo Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 28/6/2002 giữa vợ chồng bà Hồ Thị Thanh S, ông Đinh S1 với vợ chồng ông Ngô Trọng Ngh1, bà Lê Thị Kim Đ1 (được Văn phòng công chứng số 1 tỉnh Phú Yên chứng nhận). Nội dung của hợp đồng này thể hiện vợ chồng ông Ngh1, bà Đ1 bán cho vợ chồng bà S, ông S1 ngôi nhà số 27 đường Trần Hưng Đ, Phường 1, thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên; diện tích đất 278m²; Giới cận: Đông giáp đường cứu hỏa, Tây giáp nhà ông Võ Trọng B1, Nam giáp nhà ông Võ Khắc Tr1, Bắc giáp đường Trần Hưng Đ (BL 179, 180). Như vậy, theo Hợp đồng mua bán nhà ở giữa vợ chồng bà S với vợ chồng ông Nghĩa vào năm 2002, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 833447 do UBND thành phố Tuy H cấp cho bà Hồ Thị Thanh S ngày 06/02/2013 đều thể hiện phía Đông (bên hông) nhà 27 Trần Hưng Đ là đường

cứu hỏa. Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/01/2023 và Mảnh đo đạc hiện trạng sử dụng thửa đất đang khởi kiện thì phần diện tích đất bà S đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất 27m² nằm phía Đông nhà 27 Trần Hưng Đ và nằm trên phần đường bê tông (đường cứu hỏa). Vì vậy, bà S cho rằng diện tích 27m² phía Đông (bên hông) nhà 27 Trần Hưng Đ, Phường 1 do bà S khai hoang từ năm 1982 là không phù hợp và mâu thuẫn với tài liệu, chứng cứ do chính bà S cung cấp cho Tòa án. Do đó, bà S cho rằng hành vi xác nhận nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của UBND Phường 1 trái pháp luật là không có cơ sở.

[3.2.3] Về yêu cầu UBND Phường 1 phải bồi thường thiệt hại do hành vi chậm chuyển hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây ra:

Ngày 06/11/2017 (Tòa nhận đơn ngày 07/11/2017) bà Hồ Thị Thanh S có đơn yêu cầu định giá 02 lô đất nêu trên để xác định số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại (BL 106). Ngày 08/11/2017 Tòa án cấp sơ thẩm có thông báo tạm ứng chi phí định giá và giao cho bà S ngày 13/11/2017 (BL 106-107) nhưng bà S không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/4/2018, Tòa án cấp sơ thẩm đã giao Thông báo nộp tạm ứng chi phí định giá (BL 117) cho bà S nhưng bà S vẫn không thực hiện nghĩa vụ đóng tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tố tụng, có lúc bà S yêu cầu UBND Phường 1 bồi thường số tiền trên 03 tỷ đồng, có lúc bà S yêu cầu bồi thường thiệt hại bằng giá trị 02 lô đất yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, có lúc bà S yêu cầu bồi thường theo quy định pháp luật. Quá trình thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án, bà S không có chứng cứ để chứng minh thiệt hại do hành vi hành chính do UBND Phường 1 gây ra. Nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà S là có căn cứ pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm, chi phí thẩm định, đo vẽ: Người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm và phải chịu chi phí thẩm định, chi phí đo vẽ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 349 của Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 2 Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 7 Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 29/9/2014 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành quy định thời gian và trình tự phối hợp thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2022/HC-ST ngày 23/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên.

Về án phí hành chính: Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, đã nộp đủ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004677 ngày 22/3/2017 và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, đã nộp đủ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005478 ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy H, tỉnh Phú Yên.

Về chi phí thẩm định, chi phí đo vẽ hiện trạng: Bà Hồ Thị Thanh S phải chịu chi phí thẩm định và chi phí đo vẽ theo quy định pháp luật. Cụ thể:

Chi phí thẩm định: 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), bà S đã nộp đủ;

Chi phí đo vẽ hiện trạng: Bà Hồ Thị Thanh S tự liên hệ, hợp đồng và thanh toán chi phí với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Phú Yên theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16/6/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Phòng KTNV-THAHS;
- TAND Tp.Tuy H Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Tuy H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Quy